TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN DŨNG** TỈNH BẮC GIANG Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST Ngày 31/01/2018. V/v: Không công nhận vợ chồng.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Minh và bà Nguyễn Thị Tin.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa*: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc không công nhận vợ chồng; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX- ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; *(có mặt)*
- **Bị đơn:** Chị Lương THị L, sinh năm 1973; *(có mặt)*

Đều STQ: Thôn B, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Lương Thị L kết hôn vào ngày 24 tháng 10 năm 1990, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y nhưng cho đến nay không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới chị L về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có với nhau một con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ ngày 14 tháng 01 năm 2015. Nguyên nhân là do trong cuộc sống không hòa hợp về tính cách, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau. Anh, chị đã dàn xếp, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến tháng 11 năm 2015 chị L bỏ về nhà đẻ ở hẳn từ đó cho đến nay, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 01 năm 2015 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc quay

về chung sống đoàn tụ là không thể. Do vậy anh đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị Lương Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Anh, chị có một con chung là Nguyễn Thế Th, sinh ngày 15/8/1992. Hiện nay con chung đã trưởng thành, do vậy anh không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đỉnh xuất: Do không có gì vướng mắc nên anh không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài yêu cầu Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng, anh không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo bị đơn chị Lương Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau ngày 24/10/1990 theo phong tục tập quán địa phương, trước khi cưới anh, chị có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y nhưng do thời gian quá lâu, đăng ký kết hôn đã bị mất. Cưới xong chị về chung sống cùng Anh T ngay. Vợ chồng có thời gian sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có một con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ ngày 14 tháng 01 năm 2015. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hòa hợp về tính tình nên đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Anh, chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Sau đó chị bệnh phải đi mổ từ đó vợ chồng càng xa cách nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến tháng 11 năm 2015 thì chị về nhà đẻ ở hẳn từ đó cho đến nay, vợ chồng chính thức cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ khi phát sinh mâu thuẫn (ngày 14/01/2015) cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thế Th, sinh ngày 15/8/1992. Hiện nay con chung đã trưởng thành, do vậy chị không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đỉnh xuất: Do không có gì vướng mắc nên chị không đặt thành yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51, 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Đương sự thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71 và điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 8 điều 28, 147, điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị L.

Về con chung: Không giải quyết.

Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: Không giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Ngày 12/12/2017 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng tiến hành thụ lý vụ án. Tại thời điểm thụ lý vụ án anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị L đều có hộ khẩu và cư trú tại Thôn B, xã Y, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị L chung sống với nhau từ ngày 24 tháng 01 năm 1990, hôn lễ được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán địa phương, Anh T chị L thừa nhận vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Dũng, nhưng do thời gian quá lâu anh chị không còn lưu giữ. Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã Y nơi anh chị sinh trú quán, song UBND xã Y xác nhận sổ đăng ký kết hôn thời kỳ năm 1990 không còn lưu trữ, qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu trữ cho đến nay không có tên anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị L. Do vậy có cơ sở kết luận anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị L từ khi kết hôn cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị L không được pháp luật thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa Anh T, chị L đã chính thức ly thân cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ tháng 01/2015 cho đến nay, bản thân Anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị L, chị L cũng đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị và Anh T. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 điều 53, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị L.

Về con chung: Anh T, chị L xác nhận con chung đã trưởng thành, do vậy anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét gải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, ruộng đất: Các bên đương sự Không có gì vướng mắc do vậy không đặt thành yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: Không giải quyết.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất: không giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0001519 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng (xác nhận Anh T đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh